

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 20/2017/HSST
Ngày 02/8/2017.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Hặc và ông Phạm Văn Hợi.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý số 24/2017/HSST ngày 10 tháng 7 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/HSST-QĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lù A C; Sinh ngày 15 tháng 10 năm 1971; Thường trú tại: Bản N, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Con ông Lù A P (đã chết) và bà Giàng Thị D2 (đã chết). Bị cáo có vợ Giàng Thị D1; Con có 05 con, con lớn nhất 22 tuổi, con nhỏ nhất 06 tuổi. Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2017 đến nay. Có mặt.

2. Giàng Thị D1; Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1978; Thường trú tại: Bản N, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Con ông Giàng A S (đã chết) và bà Phàng Thị S; Sinh năm 1940. Bị cáo có chồng Lù A C; Con: có 05 con, con lớn nhất 22 tuổi, con nhỏ nhất 06 tuổi. Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2017 đến nay. Có mặt.

- Người phiên dịch: Ông Thào A C; Sinh năm 1971; Địa chỉ: Tiểu khu V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 20 phút, ngày 23/3/2017, Lù A V trú tại bản N, xã C đến lán nương của vợ chồng Giàng Thị D1 và Lù A C ở cùng bản để hỏi mua ma túy về sử dụng. Lù A V đưa cho Giàng Thị D1 một tờ tiền 100.000VNĐ (một trăm nghìn đồng) để mua ma túy còn Giàng Thị D1 lấy từ trong lọ nhựa cất giấu trong túi vải dân tộc Mông để tại đầu giường ngủ ra 01 (một) gói ma túy đưa cho Lù A V. Khi D1 và V đang trao đổi mua bán ma túy thì bị tổ công tác Công an huyện B bắt quả tang, thu giữ trên tay phải Lù A V 01 (một) gói nilon màu xanh bên trong chứa chất bột màu trắng, thu giữ tại tay phải Giàng Thị D1 01 (một) tờ tiền 100.000VNĐ (một trăm nghìn đồng) đồng thời tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở và lán nương của vợ chồng Giàng Thị D1, Lù A C. Kết quả khám xét thu giữ được tại đầu giường ngủ trong lán nương của vợ chồng D1 và C 01 (một) chiếc túi vải nền hoa văn dân tộc Mông, bên trong có 01 (một) lọ nhựa màu trắng có nắp vặn, trong lọ nhựa có 17 (mười bảy) gói nilon màu xanh và 01 (một) gói nilon màu trắng đều chứa chất bột màu trắng mà D1 khai nhận là Heroine. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Ngày 24/3/2017, Cơ quan điều tra đã tiến hành mở niêm phong cân tịnh số vật chứng thu giữ. Kết quả cân tịnh như sau: Số chất bột trong gói nilon màu xanh thu giữ của Lù A V có trọng lượng 0,058 (không phẩy không năm tám) gam. Lấy toàn bộ số chất bột này làm mẫu gửi giám định, ký hiệu M1; Số chất bột trong 17 (mười bảy) gói nilon màu xanh thu giữ trong lọ nhựa có trọng lượng 0,957 (không phẩy chín năm bảy) gam. Lấy toàn bộ số chất bột này làm mẫu gửi giám định, ký hiệu từ M2 đến M18; Số chất bột trong gói nilon màu trắng có trọng lượng 0,043 (không phẩy không bốn ba) gam. Lấy toàn bộ số chất bột này làm mẫu gửi giám định, ký hiệu M19.

Ngày 28/3/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Bản kết luận giám định số: 377/KLMT, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu từ M1 đến M19 là chất ma túy, loại chất Heroine. Trọng lượng của mẫu gửi giám định là 1,058 (một phẩy không năm tám) gam”. Không hoàn lại mẫu vật giám định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Giàng Thị D1 và Lù A C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Khoảng bốn ngày trước ngày bị bắt Lù A C đi sang huyện M gặp một người phụ nữ dân tộc Mông và mua được từ người này một cục ma túy với giá 600.000VNĐ (sáu trăm nghìn đồng), sau đó bị cáo đi về nhà. Đến nhà bị cáo tách số ma túy mua được thành 19 (mười chín) phần nhỏ rồi lấy nilon gói lại. Trong đó có 18 (mười tám) gói được gói bằng nilon màu xanh và 01 (một) gói được gói bằng nilon màu trắng. Sau đó, C cho tất cả vào một lọ nhựa có nắp vặn cất đi. Đến chiều ngày 23/3/2017, Lù A C đưa toàn bộ số ma túy trên cho Giàng Thị D1 và dặn nếu có ai đến mua thì bán 100.000VNĐ (một trăm nghìn đồng) một gói”. Khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày khi bị cáo Giàng Thị D1 đang thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho Lù A V thì bị bắt quả tang.

Tại bản cáo trạng số 15/KSĐT-MT ngày 09 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, truy tố các bị cáo Lù A C và Giàng Thị D1 phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Tại phiên

tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lù A C mức án từ 30 - 36 tháng tù, xử phạt Giàng Thị D1 mức án từ 24 - 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, đ khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) lọ nhựa màu trắng hình trụ, có nắp vặn, lọ đã qua sử dụng; 01 (một) túi vải thêu hoa văn có dây đeo, túi đã qua sử dụng. Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 100.000VNĐ (một trăm nghìn đồng).

Ý kiến của các bị cáo Lù A C, Giàng Thị D1 tự bào chữa: Các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Song đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật hạn chế, điều kiện gia đình khó khăn thuộc hộ nghèo, hai vợ chồng cùng phạm tội. Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo Lù A C, Giàng Thị D1: Tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung cáo trạng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để khẳng định:

Ngày 23/3/2017 các bị cáo Lù A C và Giàng Thị D1 đã có hành vi bán trái phép một gói ma túy và cất giấu trái phép 18 gói ma túy. Số ma túy có tổng trọng lượng là 1,058 (một phẩy không năm tám) gam, động cơ mục đích của các bị cáo nhằm để sử dụng và bán kiếm lời, thì bị phát hiện bắt quả tang. Kết luận giám định chất ma túy thu giữ của các bị cáo: “ là chất ma túy, loại chất Heroine”. Hành vi cất giấu nhằm mục đích mua bán trái phép chất ma túy đồng thời mua bán trái phép chất ma túy trên của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương và ảnh

hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn huyện B. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi, nhưng do mắc vào tệ nạn xã hội (nghiện hút heroine), các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy để kiếm lợi, để thỏa mãn nhu cầu sử dụng của bản thân. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận hành vi trên của các bị cáo Lù A C và Giàng Thị D1 đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định: “Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo Lù A C và Giàng Thị D1 mua bán trái phép chất ma túy với số lượng heroine bị thu giữ là 1,058 (một phẩy không năm tám) gam là trường hợp phạm tội nghiêm trọng. Trong đó bị cáo Lù A C là người đi mua ma túy về chia thành nhiều gói nhỏ, bị cáo Giàng Thị D1 là người bán lẻ. Hai bị cáo có quan hệ là vợ chồng cùng cố ý thực hiện tội phạm, không có sự bàn bạc ăn chia lợi nhuận. Theo quy định tại điều 20 Bộ luật hình sự thì các bị cáo là đồng phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định tại Điều 53 và khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự với khung hình phạt từ hai năm đến bảy năm. Về tình tiết tăng nặng không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, nhận thức và am hiểu pháp luật có phần hạn chế. Do đó cần xem xét cho các bị cáo Lù A C và Giàng Thị D1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét về vai trò của các bị cáo thấy bị cáo Lù A C có vai trò lớn hơn trong vụ án. Bị cáo là chồng của bị cáo Giàng Thị D1, là người khởi xướng đồng thời là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực, còn bị cáo Giàng Thị D1 chỉ là người tiếp nhận ý chí và trực tiếp thực hiện tội phạm. Nên bị cáo C phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn.

Từ sự phân tích, Hội đồng xét xử xét các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, nhân thân xấu là đối tượng nghiện ma túy, cần lên một mức án tương xứng, nghiêm khắc và cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện có ích cho xã hội, đồng thời đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm tại địa phương hiện nay.

Các bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm

hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế còn khó khăn, là hộ nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: 01 (một) lọ nhựa màu trắng hình trụ, có nắp vặn, lọ đã qua sử dụng; 01 (một) túi vải thêu hoa văn có dây đeo, túi đã qua sử dụng, không còn giá trị sử dụng. 01 (một) tờ tiền polime Ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 100.000VNĐ (một trăm nghìn đồng), có số seri: EL 13783694, qua giám định xác định là tiền thật, là tiền do phạm tội mà có, cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý.

Đối với Lù A V là người mua bán trái phép chất ma túy với Giàng Thị D1 với mục đích về sử dụng cho bản thân. Qua quá trình điều tra xác minh xác định trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 0,058g (không phải không năm tám gam) không đủ điều kiện xử lý hình sự. Các cơ quan chức năng đã lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Lù A V là đúng quy định của pháp luật.

Đối với nguồn gốc số ma túy bị cáo Lù A C khai mua của một người phụ nữ dân tộc Mông bị cáo không biết tên, tuổi ở khu vực giáp ranh giữa huyện B và huyện M, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành điều tra xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ của người này nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

Về án phí, các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, theo giấy chứng nhận hộ nghèo số 82/GCN-HN.HCn ngày 17/4/2017 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện B cần xem xét miễn án phí cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lù A C và Giàng Thị D1 phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 53; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lù A C 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 24/3/2017 là ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Giàng Thị D1 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 23/3/2017 là ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về Vật chứng vụ án. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 (một) lọ nhựa màu trắng hình trụ, có nắp vặn, lọ đã qua sử dụng; 01 (một) túi vải thêu hoa văn có dây đeo, túi đã qua sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) tờ tiền polime Ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 100.000VNĐ (một trăm nghìn đồng), có số seri: EL 13783694.

Về án phí. Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho các bị cáo.

Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La.
- VKSND huyện B.
- CA huyện B.
- Trại giam.
- Chi cục THADS huyện B.
- Các bị cáo.
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Thái Văn Tùng